

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022 /HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/ 2022

“V/v tranh chấp hôn nhân gia  
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Mai Văn Khánh.

***Hội thẩm nhân dân:***

- Ông Nguyễn Thế Phương.

- Ông Trần Thanh Hoàng.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:*** Đặng Văn Tâm - thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:  
Bà Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Mã Thị Tú Tr, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 03, khóm H, thị trấn B, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

***Bị đơn:*** Anh Trần Văn Nh, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 03, khóm H, thị trấn B, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

( *Chị Tr có mặt, anh Nh vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 01 năm 2022 và lời khai tại Tòa án, chị Mã Thị Tú Tr trình bày:

Chị và anh Trần Văn Nh quen biết, tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2009 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ được trong khoảng thời gian ngắn; giữa chị và anh Nh phát sinh mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống, tháng 4 năm 2019 giữa chị và anh Nh xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, chị và anh Nh sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, chị và anh Nh có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng, nhưng không thành, nay tình cảm của chị với anh Nh không còn, không thể đoàn tụ, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị và anh Nh có 01 con chung tên Trần Hào Kiệt, sinh ngày 25/9/2010, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng, biên bản hòa giải, bản tự khai ngày 16/2/2022 anh Nh trình bày: Anh và chị Mã Thị Tú Tr quen biết, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới năm 2009, đồng thời có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, anh thừa nhận giữa anh và chị Tr có mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống như chị Tr đã trình bày, giữa anh và chị Tr sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, do chị Tr đi làm xa không về, nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, do anh còn tình cảm với chị Tr; đồng thời khi ly hôn con chung thiếu tình cảm chăm lo của cha, mẹ.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Trần Hào K, sinh ngày 25/9/2010, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đảm bảo.

*Về nội dung:* Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- + Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh Nh
- + Về con chung: Chị Tr được tiếp tục nuôi dạy cháu tên Trần Hào K, sinh ngày 25/9/2010; anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con (*do chị Tr không yêu cầu*).
- + Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh Nh xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Chị Tr khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nh là bị đơn có nơi cư trú: Tổ 3, khóm H, thị trấn B, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh Nh quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh Nh. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Tr cho rằng năm 2009 chị và anh Nh được hai gia đình tổ chức lễ cưới; sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, ngày 28/12/2009. Tại thời điểm kết hôn chị Tr và anh Nh đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị Tr cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 4 năm 2019 chị và anh Nh phát sinh mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, giữa chị và anh Nh không có tiếng nói chung trong cuộc sống và song ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Nh.

Anh Nh không đồng ý ly hôn, nhưng anh và chị Tr không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Tr cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng

không đem lại hạnh phúc, do đó yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Nh là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị Tr và anh Nh có 01 con chung tên Trần Hào K, sinh ngày 25/9/2010; khi ly hôn chị Tr và anh Nh đều có nguyện vọng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con, chị Tr và anh Nh đều đủ điều kiện về kinh tế. Tại biên bản lấy lời khai cháu Kiệt ngày 16/02/2022 cháu Kiệt có nguyện vọng sống với mẹ ( Tr) để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường, nên giao cháu K cho chị Tr được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Tr không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh Nh xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Tr khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Mã Thị Tú Tr đối với anh Trần Văn Nh.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mã Thị Tú Tr được ly hôn anh Trần Văn Nh.

2. *Về nuôi con chung:* Chị Tr được trực tiếp nuôi dạy cháu Trần Hào K, sinh ngày 25/9/2010, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. *Về án phí:* Chị Mã Thị Tú Tr chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007529 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Văn Khánh**